

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 9 năm 2014

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo về kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 21

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103012275 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Công ty có hai công ty con là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động và Công ty Cổ phần Thương mại Thế Giới Điện Tử. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, Công ty nắm 99,35% phần vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động và 99,95% phần vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thương mại Thế Giới Điện Tử.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Hoạt động chủ yếu trong kỳ của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 222 Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Trần Lê Quân	Thành viên	
Ông Điều Chính Hải Triều	Thành viên	
Ông Chris Freund	Thành viên	
Ông Thomas Lanyi	Thành viên	
Ông Trần Kinh Doanh	Thành viên	
Ông Robert Willet	Thành viên	
Ông Đặng Minh Lượm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2014
Ông Nguyễn Duy Linh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2014
Ông Đinh Anh Huân	Thành viên	Từ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Huy Thanh Tùng	Trưởng ban
Ông Hoàng Xuân Thắng	Thành viên
Bà Nguyễn Khánh Vân	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2014
Ông Trần Lê Quân	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2014
Ông Đinh Anh Huân	Giám đốc Phát triển Kinh doanh	Từ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2014
Ông Điều Chính Hải Triều	Giám đốc Kỹ Thuật	
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính	

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài
Ông Trần Lê Quân

Bổ nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2014
Từ nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2014

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho các kỳ kế toán ba tháng và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ cho các kỳ kế toán ba tháng và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014 và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho các kỳ kế toán ba tháng và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Ông Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 10 năm 2014

Số tham chiếu: 61110221/17001353/IR

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty"), được trình bày từ trang 5 đến trang 21 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 9 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ cho các kỳ kế toán ba tháng và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014 và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ cho các kỳ kế toán ba tháng và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014, và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho các kỳ kế toán ba tháng và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được đề cập để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ cho các kỳ kế toán ba tháng và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày của Công ty, được trình bày như số liệu tương ứng, chưa được soát xét.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Mai Việt Hùng Trần
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số 0048-2013-004-1



Tô Phương Vũ
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số 2267-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 10 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 9 năm 2014

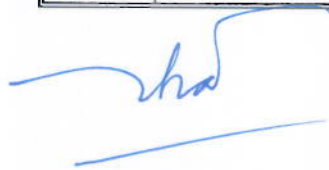
VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		513.012.976.782	466.240.678.257
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	45.337.993.122	130.068.849.738
111	1. Tiền		112.993.122	24.068.849.738
112	2. Các khoản tương đương tiền		45.225.000.000	106.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		467.535.941.414	336.171.828.519
135	1. Các khoản phải thu khác	5	467.535.941.414	336.171.828.519
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		139.042.246	-
158	1. Tài sản ngắn hạn khác		139.042.246	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		610.772.561.000	210.772.561.000
250	I. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		610.772.561.000	210.772.561.000
251	1. Đầu tư vào các công ty con	6	610.772.561.000	210.772.561.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.123.785.537.782	677.013.239.257

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2014

VND

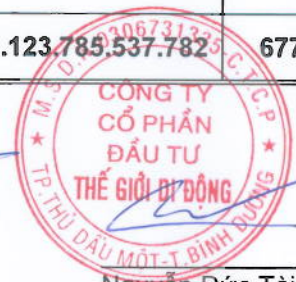
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.452.936.038	2.810.858.938
310	I. Nợ ngắn hạn		1.452.936.038	2.810.858.938
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		1.055.736.038	999.437.877
316	2. Chi phí phải trả		397.200.000	-
319	3. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		-	1.811.421.061
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.122.332.601.744	674.202.380.319
410	I. Vốn chủ sở hữu	7	1.122.332.601.744	674.202.380.319
411	1. Vốn cổ phần		627.231.710.000	109.567.040.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		42.644.002.500	115.489.262.500
414	3. Cổ phiếu quỹ		(300.394.500)	-
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		452.757.283.744	449.146.077.819
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.123.785.537.782	677.013.239.257

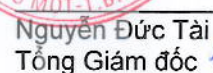


Võ Thị Phương Thảo
Người lập



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



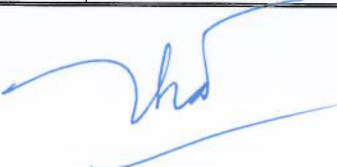

Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 10 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho các kỳ kế toán ba tháng và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (chưa soát xét)	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (chưa soát xét)
21	1. Doanh thu hoạt động tài chính	8	145.401.401.914	257.967.845	440.087.212.761	666.709.458
25	2. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(1.566.404.694)	(36.231.250)	(1.892.884.520)	(177.331.337)
30	3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		143.834.997.220	221.736.595	438.194.328.241	489.378.121
31	4. Thu nhập khác		1.044.446.547	-	1.044.446.547	-
40	5. Lợi nhuận khác		1.044.446.547	-	1.044.446.547	-
50	6. Lợi nhuận trước thuế		144.879.443.767	221.736.595	439.238.774.788	489.378.121
51	7. Chi phí thuế TNDN hiện hành	9	(1.055.736.038)	(55.434.149)	(2.674.788.863)	(114.205.422)
60	8. Lợi nhuận sau thuế TNDN		143.823.707.729	166.302.446	436.563.985.925	375.172.699



Võ Thị Phương Thảo
Người lập



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 10 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

VND

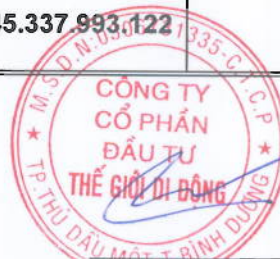
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (chưa soát xét)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		439.238.774.788	489.378.121
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	8	(440.087.212.761)	(666.709.458)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(848.437.973)	(177.331.337)
09	Tăng các khoản phải thu		(1.277.349.242)	(577.846.260)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(1.414.221.061)	215.131.425
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	9	(2.618.490.702)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(6.158.498.978)	(540.046.172)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho công ty con vay		(745.935.000.000)	(19.950.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		612.213.826.382	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con		(400.000.000.000)	-
26	Tiền thu từ việc bán một phần đầu tư góp vốn vào công ty con		-	19.950.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức		443.582.580.480	666.709.458
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(90.138.593.138)	666.709.458
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		11.866.630.000	-
32	Mua lại cổ phiếu		(300.394.500)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		11.566.235.500	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (chưa soát xét)
50	(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(84.730.856.616)	126.663.286
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		130.068.849.738	18.141.285
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	45.337.993.122	144.804.571

(Handwritten signatures in blue ink)



Võ Thị Phương Thảo
Người lập

Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 10 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày và cho các kỳ kế toán ba tháng và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") là một công ty cổ phần, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103012275 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Công ty có hai công ty con là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động và Công ty Cổ phần Thương mại Thế Giới Điện Tử. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, Công ty nắm 99,35% phần vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động và 99,95% phần vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thương mại Thế Giới Điện Tử.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán "MWG" theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Hoạt động chủ yếu trong kỳ của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 222 Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho các kỳ kế toán ba tháng và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày và cho các kỳ kế toán ba tháng và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.4 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.5 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.6 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày và cho các kỳ kế toán ba tháng và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.8 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày và cho các kỳ kế toán ba tháng và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

3.9 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009, hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Công ty không có nợ phải trả tài chính.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày và cho các kỳ kế toán ba tháng và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Tiền mặt	560.500	-
Tiền gửi ngân hàng	112.432.622	24.068.849.738
Các khoản tương đương tiền	45.225.000.000	106.000.000.000
TỔNG CỘNG	45.337.993.122	130.068.849.738

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 5,7% đến 6% mỗi năm.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 10</i>)	467.450.693.975	336.171.828.519
Bên thứ ba	85.247.439	-
TỔNG CỘNG	467.535.941.414	336.171.828.519

6. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

	<u>Ngày 30 tháng 9 năm 2014</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</u>	
	Giá trị đầu tư VNĐ	% sở hữu	Giá trị đầu tư VNĐ	% sở hữu
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	480.820.561.000	99,35	130.820.561.000	99,35
Công ty Cổ phần Thương mại Thế Giới Điện Tử (*)	129.952.000.000	99,95	79.952.000.000	79,95
TỔNG CỘNG	610.772.561.000		210.772.561.000	

(*) Ngày 1 tháng 4 năm 2014, Công ty đã mua 20% quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Thế Giới Điện Tử ("ETW") từ cổ đông thiểu số của ETW với số tiền 50.000.000.000 VNĐ, theo đó tăng quyền sở hữu của Công ty trong ETW lên 99,95%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho các kỳ kế toán ba tháng và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

7. VỐN CHỦ SỞ HỮU

7.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<i>VNĐ</i>					
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (chưa soát xét)					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	105.026.670.000	78.485.247.000	-	47.288.746.952	230.800.663.952
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	375.172.699	375.172.699
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2013	<u>105.026.670.000</u>	<u>78.485.247.000</u>	<u>-</u>	<u>47.663.919.651</u>	<u>231.175.836.651</u>
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	109.567.040.000	115.489.262.500	-	449.146.077.819	674.202.380.319
Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	6.851.120.000	5.015.510.000	-	-	11.866.630.000
Phát hành cổ phiếu thưởng	77.860.770.000	(77.860.770.000)	-	-	-
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	432.952.780.000	-	-	(432.952.780.000)	-
Mua lại cổ phiếu	-	-	(300.394.500)	-	(300.394.500)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	436.563.985.925	436.563.985.925
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2014	<u>627.231.710.000</u>	<u>42.644.002.500</u>	<u>(300.394.500)</u>	<u>452.757.283.744</u>	<u>1.122.332.601.744</u>

Vào ngày 14 tháng 3 năm 2014, Công ty đã phát hành 657.402 cổ phiếu với mức giá phát hành là 10.000 VNĐ/cổ phiếu và 27.710 cổ phiếu với mức giá phát hành là 191.000 VNĐ/cổ phiếu với tổng giá trị là 11.866.630.000 VNĐ.

Vào ngày 21 tháng 4 năm 2014, Công ty đã phát hành 7.786.077 cổ phiếu thưởng mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phiếu với tổng giá trị là 77.860.770.000 VNĐ từ thặng dư vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu của Công ty với tỷ lệ thực hiện là 1.000:669 (phát hành 669 cổ phiếu mới cho mỗi 1.000 cổ phiếu đang được cổ đông nắm giữ). Cũng vào ngày này, Công ty đã phát hành 43.295.278 cổ phiếu mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phiếu với tổng giá trị là 432.952.780.000 VNĐ trả cổ tức năm 2013 cho cổ đông hiện hữu của Công ty với tỷ lệ thực hiện là 1.000:3.720 (phát hành 3.720 cổ phiếu mới cho mỗi 1.000 cổ phiếu đang được cổ đông nắm giữ).

Vào ngày 25 tháng 3 năm 2014 và ngày 9 tháng 5 năm 2014, Công ty đã nhận được các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cho các lần phát hành cổ phiếu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày và cho các kỳ kế toán ba tháng và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

7. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

7.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	<i>Số cổ phiếu</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	10.956.704
Tăng trong kỳ	51.766.467
Ngày 30 tháng 9 năm 2014	62.723.171

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VNĐ thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

7.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
	<i>Số cổ phiếu</i>	<i>Số cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	62.723.171	10.956.704
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	62.723.171	10.956.704
Số lượng cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.283	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	62.719.888	10.956.704

8. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (chưa soát xét)</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (chưa soát xét)</i>
				<i>VNĐ</i>
Thu nhập từ cổ tức	140.080.643.591	-	427.080.643.591	-
Lãi tiền gửi	5.320.758.323	257.967.845	13.006.569.170	666.709.458
TỔNG CỘNG	145.401.401.914	257.967.845	440.087.212.761	666.709.458

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho các kỳ kế toán ba tháng và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

9. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của kỳ hiện tại. Lợi nhuận chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lợi nhuận chịu thuế ước tính:

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (chưa soát xét)</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (chưa soát xét)</i>
				VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	144.879.443.767	221.736.595	439.238.774.788	489.378.121
Các khoản điều chỉnh				
Thu nhập từ cổ tức	(140.080.643.591)	-	(427.080.643.591)	-
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	4.798.800.176	221.736.595	12.158.131.197	489.378.121
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-	-	(32.556.435)
Lợi nhuận chịu thuế ước tính trong kỳ	4.798.800.176	221.736.595	12.158.131.197	456.821.686
Thuế TNDN ước tính trong kỳ	1.055.736.038	55.434.149	2.674.788.863	114.205.422
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	321.647.508	58.771.273	999.437.877	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(321.647.508)	-	(2.618.490.702)	-
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	1.055.736.038	114.205.422	1.055.736.038	114.205.422

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày và cho các kỳ kế toán ba tháng và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

10. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>VNĐ Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Góp vốn	350.000.000.000
		Cho vay	745.935.000.000
		Thu hồi vay	589.663.826.382
		Thu nhập lãi vay	9.795.596.974
		Cổ tức	427.080.643.591
Công ty Cổ phần Thương mại Thế Giới Điện Tử	Công ty con	Thu hồi vay	22.550.000.000
		Thu nhập lãi vay	245.080.953

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu với bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>VNĐ Phải thu</i>
<i>Phải thu khác</i>			
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Cho vay	466.319.000.000
		Cổ tức	1.131.693.975
TỔNG CỘNG			<u>467.450.693.975</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày và cho các kỳ kế toán ba tháng và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

11. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có khả năng gặp rủi ro tín dụng.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khác) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu

Rủi ro tín dụng chủ yếu liên quan đến khoản phải thu phát sinh từ dịch vụ quản lý cung cấp cho các công ty con. Ban Giám đốc đánh giá rủi ro này không trọng yếu.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi Ban Giám đốc theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán vào ngày 30 tháng 9 năm 2014.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của các bên khác vào ngày 30 tháng 9 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho các kỳ kế toán ba tháng và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

12. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

	<i>Giá trị ghi sổ</i>				<i>Giá trị hợp lý</i>		VNĐ
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2014</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>		<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>			
Tài sản tài chính							
Phải thu bên liên quan	467.450.693.975	-	336.171.828.519	-	467.450.693.975	336.171.828.519	
Phải thu khác	85.247.439	-	-	-	85.247.439	-	
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.337.993.122	-	130.068.849.738	-	45.337.993.122	130.068.849.738	
TỔNG CỘNG	512.873.934.536	-	466.240.678.257	-	512.873.934.536	466.240.678.257	
Nợ phải trả tài chính							
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	397.200.000	-	-	-	397.200.000	-	

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính được đánh giá tương đương với giá trị ghi sổ của chúng vào ngày 30 tháng 9 năm 2014 do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho các kỳ kế toán ba tháng và chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

13. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

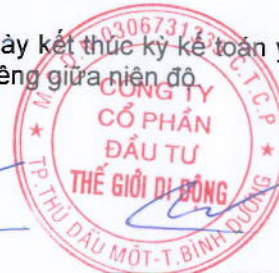
Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Võ Thị Phương Thảo
Người lập



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc



Ngày 27 tháng 10 năm 2014